

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2021

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Huệ

2. Bà Trần Thị Huệ

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thụy Anh Đào - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải - tỉnh Ninh Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Khánh Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải - tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 136/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/4/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Trần Ngọc T- sinh năm: 2002 (có mặt)

Địa chỉ: KP 6, phường K, TP. Phan Rang Tháp Chàm.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân N - sinh năm: 2001 (có đơn xin giải quyết vắng mặt). Địa chỉ: 319/12/1 đường T, khu phố NC2, thị trấn KH, huyện Ninh Hải.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Trần Ngọc T trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân N tự nguyện chung sống với nhau từ ngày 19/4/2020 và có một con chung là cháu Phạm Trần Ngọc T, sinh ngày 06/11/2020. Nhưng do chị và anh N chưa đủ tuổi nên vợ chồng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường, thị trấn mà chỉ tổ chức đám cưới và có hai gia đình chứng kiến. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn vì những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống, sau đó khoảng tháng 9 năm 2020 anh N tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Hiện nay mặc ai người đó sống, không quan tâm đến nhau, chị cũng không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh N là vợ chồng.

Về con chung: Chị mong muốn được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Phạm Trần Ngọc T, sinh ngày 06/11/2020, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai anh Nguyễn Xuân N trình bày như sau: Năm 2019 anh và chị Phạm Trần Ngọc T quen nhau, đến tháng 5 năm 2020 hai bên gia đình tổ chức đám cưới cho anh và chị T. Vì chưa đủ tuổi kết hôn nên anh và chị T không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường, thị trấn. Sau khi kết hôn, anh chuyển qua nhà mẹ ruột của chị T sống, quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên cãi nhau từ chuyện nhỏ đến chuyện lớn. Sống với nhau được ba tháng, anh về nhà cha mẹ ruột của anh sống cho đến nay. Hiện nay anh cũng không còn yêu thương chị T, hai bên cũng không quan tâm lẫn nhau nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị T là vợ chồng.

Về con chung: Giữa anh và chị T có một người con chung là cháu Phạm Trần Ngọc T, sinh 06/11/2020. Anh đồng ý giao cháu T cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Xuân N có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Ngà là phù hợp pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án:* Chị Phạm Trần Ngọc T và anh Nguyễn Xuân N tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 4 năm 2020, có tổ chức đám cưới vào tháng 5 năm 2020 nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì hai bên chưa đủ tuổi kết hôn nên hôn nhân giữa chị T và anh N không được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, chị T anh N thường xuyên cãi nhau vì những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống. Từ tháng 9 năm 2020 đến nay anh chị không còn sống chung với nhau, hai bên cũng không còn quan tâm lẫn nhau. Anh Nguyễn Xuân N cũng xác nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T sống không hạnh phúc và đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị T là vợ chồng.

[3] Ủy ban nhân dân thị trấn KH cũng xác nhận anh N, chị T sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy việc chị T yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị và anh N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về con chung: Khi sống chung với nhau, anh N chị T có một người con chung là cháu Phạm Trần Ngọc T, sinh 06/11/2020. Hiện nay cháu T còn quá nhỏ nên sẽ giao cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh N, chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân luôn tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn luôn chấp hành pháp luật. Riêng bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp

luật. Về nội dung vụ án: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc không công nhận chị T, anh N là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu T cho chị T chăm sóc và nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Căn cứ vào những phân tích trên, xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 14; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn
2. *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Trần Ngọc T và anh Nguyễn Xuân N.

3. *Về con chung:* Chị Phạm Trần Ngọc T có quyền và nghĩa vụ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng một người con chung là cháu Phạm Trần Ngọc T, sinh ngày 06/11/2020. Anh Nguyễn Xuân N không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Phạm Trần Ngọc T không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

5. *Về án phí:* Chị Phạm Trần Ngọc T phải chịu 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0024642 ngày 29/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải. Chị Phạm Trần Ngọc T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; vắng mặt bị đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Thị Thu Hằng

Phạm Thị Huệ

Đỗ Thị Minh Linh

Trần Thị Thu Hằng

Thành viên Hội Đồng Xét Xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Trọng Minh Đào Minh Phần

Trần Thị Thu Hằng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã (phương) nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hằng

Thành viên Hội Đồng Xét Xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Huệ Đỗ Thị Minh Linh

Trần Thị Thu Hằng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu (hồ sơ, án văn).

Trần Thị Thu Hằng

